

Factors affecting sustainable tourism development: A case study in Quy Nhon city

Cao Tan Binh*, Vo Thuy Linh, Pham Lan Anh, Dinh Nguyen Minh Nguyen

Faculty of Economics and Accounting, Quy Nhon University, Vietnam

Received: 05/04/2022; Revised: 25/04/2022;

Accepted: 14/05/2022; Published: 28/08/2022

ABSTRACT

In this paper, we conduct an experimental study to explore and measure factors affecting sustainable tourism development in Quy Nhon city. The study carried out a survey of 230 tourists and locals. By using the techniques of quantitative research methods such as Cronbach's Alpha reliability analysis, EFA exploratory factor analysis and SEM structural equation model analysis, the results show that there are 6 out of 8 factors affecting sustainable tourism development are tourism management organization, human resources, tourism resources, quality of tourism services, tour guides, community participation. From the research results, we propose some policy implications to enhance sustainable tourism development based on improving the identified influencing factors.

Keywords: *Quy Nhon, sustainable tourism development, structural equation model (SEM).*

*Corresponding author.

Email: caotanbinh@qnu.edu.vn

Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững: Trường hợp nghiên cứu tại thành phố Quy Nhơn

Cao Tấn Bình*, Võ Thùy Linh, Phạm Lan Anh, Đinh Nguyễn Minh Nguyên

Khoa Kinh tế & Kế toán, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 05/04/2022; Ngày sửa bài: 25/04/2022;

Ngày nhận đăng: 14/05/2022; Ngày xuất bản: 28/08/2022

TÓM TẮT

Trong bài báo này, chúng tôi tiến hành một nghiên cứu thực nghiệm nhằm khám phá và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững tại thành phố Quy Nhơn. Nghiên cứu đã thực hiện khảo sát 230 du khách và người dân địa phương. Bằng cách sử dụng các kỹ thuật của phương pháp nghiên cứu định lượng như phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích mô hình phương trình cấu trúc SEM, kết quả cho thấy có 6 trong 8 nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững là Tổ chức quản lý du lịch, Nguồn nhân lực, Tài nguyên du lịch, Chất lượng dịch vụ du lịch, Hướng dẫn viên du lịch, Sự tham gia của cộng đồng. Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao phát triển du lịch bền vững dựa vào việc cải thiện các nhân tố ảnh hưởng đã được xác định.

Từ khóa: Quy Nhơn, phát triển du lịch bền vững, mô hình phương trình cấu trúc SEM.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quy Nhơn được biết đến không chỉ là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị, khoa học kỹ thuật và du lịch của tỉnh Bình Định mà còn là một trong những thành phố biển đẹp nhất miền Trung của Việt Nam. Với những thành tích và kết quả đạt được thông qua sự phát triển không ngừng, Quy Nhơn được Chính phủ công nhận là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Bình Định vào năm 2010. Thiên nhiên ban tặng cho Quy Nhơn một vẻ đẹp tự nhiên, hoang sơ, kỳ vĩ với đường bờ biển dài 40 km. Đây là một trong những lợi thế quan trọng để phát triển ngành du lịch. Thành phố Quy Nhơn được bình chọn là điểm đến hàng đầu Đông Nam Á bởi tạp chí du lịch Rough Guides của Anh vào năm 2015, đồng thời, cũng vinh dự được công nhận là một trong ba địa phương của Việt Nam trở thành “Thành phố Du lịch sạch Asean 2020”.

Quy Nhơn được biết đến qua nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Một số di sản văn hóa vật thể không thể không kể đến như Tháp Đôi, Chùa Long Khánh, Ghềnh Ráng Tiên Sa, trại phong Quy Hòa, Cầu Thị Nại, Nhà thờ chính tòa Quy Nhơn, Làng chài Hải Minh, Eo Gió... Về văn hóa phi vật thể, nghệ thuật Bài Chòi là di sản văn hóa đã được UNESCO công nhận. Ẩm thực ở Quy Nhơn cũng được du khách đánh giá cao về sự phong phú, đa dạng, tươi ngon và giá cả hợp lý. Ngoài ra, yếu tố con người góp phần đáng kể trong việc tạo nên môi trường du lịch văn minh và thân thiện cho du khách.

Theo báo cáo thống kê năm 2018, thành phố Quy Nhơn thu hút được gần 4,1 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế ước tính gần 327,5 nghìn lượt người, chiếm khoảng 8%. Năm 2019, số lượt du khách đã tăng cao với khoảng

**Tác giả liên hệ chính.*

Email: caotanbinh@qnu.edu.vn

4,8 triệu lượt khách, trong đó khách du lịch quốc tế chiếm khoảng 10%. Tổng nguồn thu từ lĩnh vực du lịch của Thành phố phần lớn là do khách nội địa đem lại. Mặc dù tổng thu từ khách du lịch quốc tế chưa cao, song thực tế cho thấy, mức chi tiêu bình quân một khách du lịch quốc tế cao hơn khách du lịch nội địa. Vì vậy, vấn đề đặt ra đối với du lịch Quy Nhơn hiện nay là làm thế nào để phát huy được tiềm năng, lợi thế của thành phố để phát triển nhanh và bền vững. Việc khai thác tài nguyên du lịch và bản sắc văn hóa địa phương để đáp ứng nhu cầu của du khách, giúp phát triển kinh tế cần phải gắn liền với lợi ích kinh tế dài hạn, đồng thời duy trì các khoản đầu tư cho bảo vệ môi trường, bảo tồn các di sản, bảo vệ tài nguyên du lịch và góp phần nâng cao mức sống và lợi ích của cộng đồng địa phương. Do đó, chúng ta thấy được tầm quan trọng và cần thiết của việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch theo hướng bền vững của thành phố Quy Nhơn trong giai đoạn hiện nay.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1. Phát triển bền vững

Xuất hiện lần đầu tiên trong ấn phẩm Chiến lược bảo tồn Thế giới năm 1980,¹ thuật ngữ “phát triển bền vững” được định nghĩa là: “Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái”.

Nhờ Báo cáo Brundtland² của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới mà thuật ngữ “Phát triển bền vững” được biết đến một cách rộng rãi hơn vào năm 1987. Theo báo cáo này, phát triển bền vững là “sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...”. Cụ thể hơn, phát triển bền vững phải bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ.

Một định nghĩa khác theo Tổ chức ngân hàng phát triển châu Á,³ thuật ngữ trên được

hiểu theo nghĩa rộng hơn: “Phát triển bền vững là một loại hình phát triển mới, lồng ghép quá trình sản xuất với bảo tồn tài nguyên và nâng cao chất lượng môi trường. Phát triển bền vững cần phải đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không phương hại đến khả năng của chúng ta đáp ứng các nhu cầu của thế hệ trong tương lai”.

2.2. Phát triển du lịch bền vững

Năm 1992, tại Hội nghị về môi trường và phát triển của Liên hợp quốc tại Rio de Janeiro, Tổ chức Du lịch thế giới của Liên hợp quốc (UNWTO) đã đưa ra khái niệm về du lịch bền vững như sau: “Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển hoạt động du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thỏa mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống của con người”.

Khái niệm phát triển du lịch bền vững được diễn giải dựa trên khái niệm phát triển bền vững. Theo luật Du lịch Việt Nam năm 2017,⁴ thuật ngữ phát triển du lịch bền vững được định nghĩa: “Phát triển du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai”.

Theo tác giả Đặng Thị Thúy Duyên:⁵ “Phát triển du lịch theo hướng bền vững là sự phát triển du lịch dựa trên sự khai thác hợp lý, hiệu quả tài nguyên và các nguồn lực, bảo đảm đạt được đồng thời cả ba mục tiêu bền vững về kinh tế, bền vững về văn hóa - xã hội và bền vững về môi trường của địa phương, của vùng và của quốc gia theo đúng yêu cầu và nguyên tắc của phát triển bền vững”.

2.3. Một số nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến du lịch bền vững

Các kết quả nghiên cứu trong bài báo này phần lớn dựa trên sự kết hợp và phát triển từ công trình nghiên cứu của các tác giả Mai Anh Vũ, Lê Thanh Tùng, Nguyễn Công Đệ, Vinerea, và thu được từ nghiên cứu thực nghiệm cho dữ liệu sơ cấp được khảo sát tại địa bàn thành phố Quy Nhơn.

Công trình nghiên cứu của tác giả Mai Anh Vũ:⁶ “Phát triển bền vững du lịch tại Thanh Hóa” đã tiến hành xây dựng và đánh giá phát triển du lịch bền vững cho địa phương này dựa trên 28 tiêu chí về kinh tế, xã hội và môi trường. Bên cạnh việc phân tích, đánh giá và chỉ ra một số hạn chế trong phát triển bền vững du lịch thông qua dữ liệu thứ cấp, kết quả nghiên cứu dựa trên dữ liệu sơ cấp đã chỉ ra có 7 nhân tố tác động đến sự phát triển du lịch bền vững tại Thanh Hóa, trong đó sự tham gia của cộng đồng là nhân tố tác động mạnh nhất, tiếp theo lần lượt là các nhân tố: tổ chức quản lý du lịch, phát triển nguồn nhân lực, chất lượng dịch vụ du lịch, phát triển hạ tầng, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch, và cuối cùng là tài nguyên du lịch.

Công trình nghiên cứu: “Phát triển bền vững du lịch tỉnh Bắc Ninh” của tác giả Lê Thanh Tùng⁷ đã hệ thống và nghiên cứu các công trình ở Việt Nam và trên thế giới về vấn đề phát triển du lịch bền vững. Từ đó phát hiện ra khoảng trống nghiên cứu và đặt ra tính cấp thiết cho nghiên cứu phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Bắc Ninh. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất và đánh giá mức độ tác động của 8 nhân tố đến sự phát triển bền vững du lịch, bao gồm các nhân tố: danh lam thắng cảnh; cơ sở lưu trú; cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch; dịch vụ ăn uống, tham quan, mua sắm và giải trí; phương tiện vận chuyển khách tham quan; an ninh trật tự và an toàn xã hội; hướng dẫn viên du lịch và giá cả dịch vụ.

Công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Công Đệ và cộng sự⁸ đã xác định các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững vùng Duyên hải Nam Trung bộ. Nghiên cứu đã tiến

hành khảo sát mẫu đại diện đối với 160 nhà quản lý du lịch và 240 khách du lịch đã hoặc đang tham gia hoạt động du lịch của 8 tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam, sau đó sử dụng kỹ thuật phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy đa biến để phân tích dữ liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy 11 nhân tố tác động đến phát triển du lịch bền vững vùng Duyên hải Nam Trung bộ bao gồm thể chế và chính sách cho phát triển du lịch; cơ sở hạ tầng; tài nguyên du lịch; nguồn nhân lực du lịch; sự đa dạng của các dịch vụ du lịch; hỗ trợ liên quan dịch vụ; các hoạt động liên kết và hợp tác để phát triển du lịch; xúc tiến và khuyến khích du lịch; sự hài lòng của khách du lịch; cộng đồng địa phương và các yếu tố khác. Trong đó, các nhân tố thể chế và chính sách phát triển du lịch; cơ sở hạ tầng; tài nguyên du lịch; và cộng đồng địa phương tác động mạnh mẽ đến sự phát triển du lịch bền vững của vùng.

Công trình nghiên cứu: “*The Impact of COVID-19 Pandemic on Residents’ Support for Sustainable Tourism Development*” của tác giả Vinerean và cộng sự⁹ đã nghiên cứu sự hỗ trợ của người dân đối với sự phát triển du lịch bền vững trong một mô hình tích hợp có xem xét đến yếu tố tác động của đại dịch Covid-19. Tác giả và cộng sự đã sử dụng mô hình cấu trúc để mô tả thái độ của người dân về sự phát triển du lịch và chất lượng cuộc sống dựa trên dữ liệu thu thập được từ Sibiu. Từ đó hiểu rõ hơn về hành vi của cư dân và ảnh hưởng của đợt bùng phát Covid-19 đối với việc hỗ trợ phát triển du lịch bền vững.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach’s alpha được sử dụng kiểm tra xem các biến quan sát của các nhân tố có đáng tin cậy hay không. Nếu một biến đo lường có hệ số tương quan biến tổng Corrected Item - Total Correlation lớn hơn hoặc bằng 0.3 thì biến đó đạt yêu cầu (Nunnally, 1978).¹⁰ Cụ thể, mức giá trị hệ số Cronbach’s Alpha từ 0.8 đến gần bằng 1 thể hiện thang đo lường rất tốt; từ 0.7 đến gần bằng 0.8 thể hiện thang đo lường sử dụng tốt; từ 0.6 trở lên thể hiện thang đo lường đủ điều kiện chấp nhận được (Hair, 2019).¹¹

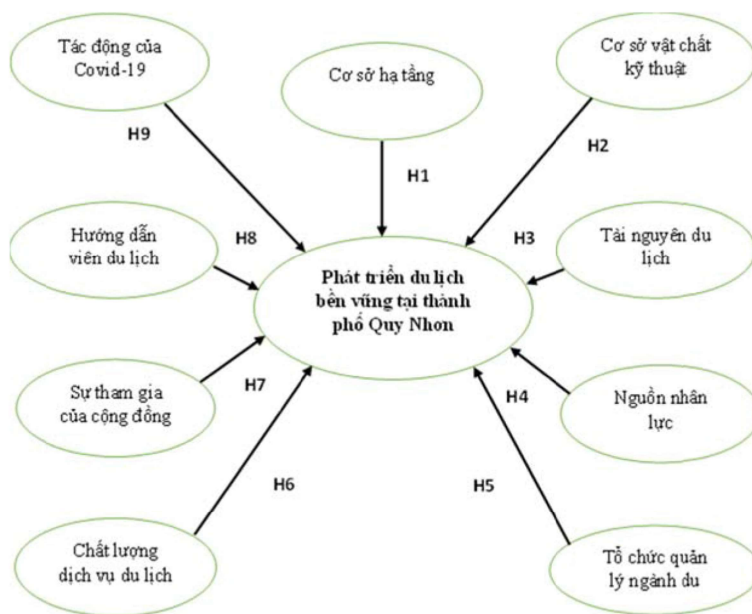
Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis - EFA) được sử dụng để xem xét mối quan hệ giữa các nhóm tiêu chí đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững thành phố Quy Nhơn. Phần trăm phương sai trích (Percentage of variance) phải lớn hơn 50% để đảm bảo phân tích EFA là phù hợp. Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) là chỉ số được dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố. Giá trị này phải thỏa mãn $0.5 \leq KMO \leq 1$. Nếu $KMO < 0.05$ thì phân tích nhân tố có khả năng không thích hợp với tập dữ liệu nghiên cứu. Kiểm định Bartlett dùng để xem xét các biến quan sát trong nhân tố có tương quan với nhau hay không. Nếu kiểm định này có ý nghĩa thống

kê, có nghĩa là $Sig. < 0.05$ thì các biến quan sát có tương quan với nhau trong cùng một nhân tố.

Để kiểm tra độ phù hợp của mô hình nghiên cứu đề xuất, kỹ thuật phân tích PLS-SEM dựa trên phần mềm SmartPLS được sử dụng. Ngoài ra, kỹ thuật phân tích này cũng có tác dụng ước lượng các hệ số chuẩn hóa của các nhân tố độc lập, cho thấy mối quan hệ và mức độ tác động của các nhân tố độc lập lên nhân tố phụ thuộc.

2.5. Mô hình nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững thành phố Quy Nhơn gồm có 09 nhân tố và được thể hiện trong Hình 1.



Hình 1. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững tại Thành phố Quy Nhơn.

Bảng 1. Thiết lập bảng thang đo phát triển du lịch bền vững thành phố Quy Nhơn.

Kí hiệu	Các nhân tố ảnh hưởng	Nguồn
Cơ sở hạ tầng (HT)		
HT1	Hệ thống giao thông được đầu tư và đáp ứng nhu cầu đi lại	Tác giả phát triển từ nghiên cứu của Mai Anh Vũ ⁶
HT2	Hệ thống cấp điện đáp ứng cơ bản nhu cầu sử dụng trong hoạt động du lịch	
HT3	Hệ thống cấp nước chất lượng nước đảm bảo, đáp ứng cơ bản nhu cầu	
HT4	Hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo 24/24, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng	

Cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch (KT)		
KT1	Hệ thống nhà nghỉ, khách sạn được nâng cấp về chất lượng, gia tăng về số lượng	Tác giả phát triển từ nghiên cứu của Mai Anh Vũ ⁶
KT2	Hệ thống vui chơi giải trí đa dạng, đáp ứng nhu cầu cho mọi lứa tuổi	
KT3	Hệ thống các dịch vụ bổ sung đa dạng, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách du lịch	
KT4	Hệ thống các điểm tham quan, du lịch đặc sắc có quy hoạch tốt, liên tục được đầu tư	
KT5	Hệ thống vệ sinh công cộng bố trí hợp lý, giải quyết các vấn đề về vệ sinh môi trường	
Tổ chức quản lý ngành du lịch (QL)		
QL1	Quản lý tổ chức về an ninh trật tự được đảm bảo, các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội bị đẩy lùi	Tác giả phát triển từ nghiên cứu của Mai Anh Vũ ⁶
QL2	Quản lý tổ chức về vệ sinh môi trường thực hiện tốt, vệ sinh môi trường được đảm bảo	
QL3	Quản lý về quy hoạch phát triển du lịch phù hợp, có chiến lược phát triển rõ ràng, có trọng tâm trọng điểm	
QL4	Công tác đánh giá, kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển du lịch liên tục, có sự đánh giá chi tiết	
QL5	Quản lý về các hoạt động xúc tiến du lịch được quan tâm, xây dựng được hình ảnh và chú trọng phát triển các thị trường mới	
Nguồn nhân lực (NL)		
NL1	Năng lực quản lý được nâng cao giúp cho hoạt động du lịch ngày càng phát triển và đạt hiệu quả cao	Tác giả phát triển từ nghiên cứu của Mai Anh Vũ ⁶
NL2	Năng lực chuyên môn, kỹ thuật của nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của các cơ sở du lịch thương mại và khách du lịch	
NL3	Trình độ ngoại ngữ của Nhân lực trong lĩnh vực du lịch tương ứng với nhu cầu giao tiếp của khách du lịch quốc tế	
NL4	Chính sách phát triển nguồn nhân lực thu hút một lượng lớn lao động cho ngành du lịch	
NL5	Các cơ quan quản lý, cơ sở du lịch thường xuyên áp dụng, cập nhật các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ du lịch	
Tài nguyên du lịch (TN)		
TN1	Tài nguyên du lịch tự nhiên của địa phương rất đa dạng và phù hợp để phát triển du lịch	Tác giả phát triển từ nghiên cứu của Mai Anh Vũ ⁶
TN2	Vị trí địa lý tại khu định cư thuận lợi cho việc phát triển du lịch	
TN3	Khí hậu tự nhiên tại địa phương thuận lợi cho phát triển du lịch	
TN4	Nguồn nhân lực vô hình hấp dẫn của địa phương có thể được sử dụng để phát triển du lịch	
TN5	Tài nguyên nhân văn vật thể tại địa phương đa dạng có thể khai thác phát triển du lịch	

Chất lượng dịch vụ du lịch (CL)		
CL1	Các dịch vụ trong lĩnh vực hoạt động du lịch rất đa dạng và đáp ứng được nhu cầu của du khách	Tác giả phát triển từ nghiên cứu của Mai Anh Vũ ⁶
CL2	Các nhà cung cấp dịch vụ có quy mô lớn và phục vụ các nhóm khách lớn	
CL3	Phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch mới chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của du khách	
CL4	Khả năng cung ứng tức thời của các dịch vụ tốt	
CL5	Giá cả dịch vụ hợp lý, phản ánh đúng sức mua của đa số khách du lịch	
Sự tham gia của cộng đồng (CĐ)		
CĐ1	Khách du lịch có ý thức góp phần bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên và phát triển du lịch	Tác giả phát triển từ nghiên cứu của Mai Anh Vũ ⁶
CĐ2	Người dân địa phương nhận thức được sự cần thiết phải đóng góp vào việc bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên và phát triển du lịch	
CĐ3	Các doanh nghiệp du lịch có ý thức tham gia vào việc bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên và phát triển du lịch	
CĐ4	Các ý kiến đóng góp của cộng đồng được ghi nhận, chất lọc và đưa vào các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển du lịch	
Hướng dẫn viên du lịch (HD)		
HD1	Trung thực, lịch sự và kín đáo	Tác giả phát triển từ nghiên cứu của Lê Thanh Tùng ⁷
HD2	Nhiệt tình, nhanh nhẹn, linh hoạt	
HD3	Kiến thức tổng hợp tốt trong nhiều lĩnh vực	
HD4	Kỹ năng giao tiếp ứng xử tốt	
HD5	Khả năng sử dụng ngôn ngữ tốt	
Tác động của Covid-19 (TĐ)		
TĐ1	Tôi không cảm thấy an toàn khi ở cạnh khách du lịch do COVID-19	Tác giả phát triển từ nghiên cứu của Simona Vinerean và cộng sự ⁹
TĐ2	Tôi không thoải mái khi nghĩ về COVID-19 và tác động của nó đối với du lịch ở thành phố của tôi	
TĐ3	Khi xem tin tức về COVID-19, tôi trở nên căng thẳng hoặc lo lắng về khách du lịch trong cộng đồng của tôi	
Đánh giá các nội dung về phát triển du lịch bền vững thành phố Quy Nhơn (PT)		
PT1	Du lịch Quy Nhơn phát triển bền vững về kinh tế	Tác giả phát triển từ nghiên cứu của Mai Anh Vũ ⁶
PT2	Du lịch Quy Nhơn phát triển bền vững về văn hóa - xã hội	
PT3	Du lịch Quy Nhơn phát triển bền vững về mặt sinh thái	
PT4	Lượng khách du lịch tới Quy Nhơn ngày càng tăng qua từng năm	
PT5	Mức chi tiêu và sự hài lòng của khách du lịch tới Quy Nhơn ngày càng cao	

(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp)

Trong đó:

Giả thuyết H_1 : Nhân tố cơ sở hạ tầng có tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững tại thành phố Quy Nhơn.

Giả thuyết H_2 : Nhân tố cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch có tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững tại thành phố Quy Nhơn.

Giả thuyết H_3 : Nhân tố tài nguyên du lịch có tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững tại thành phố Quy Nhơn.

Giả thuyết H_4 : Nhân tố nguồn nhân lực có tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững tại thành phố Quy Nhơn.

Giả thuyết H_5 : Nhân tố tổ chức quản lý ngành du lịch có tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững tại thành phố Quy Nhơn.

Giả thuyết H_6 : Nhân tố chất lượng dịch vụ du lịch có tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững tại thành phố Quy Nhơn.

Giả thuyết H_7 : Nhân tố sự tham gia của cộng đồng có tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững tại thành phố Quy Nhơn.

Giả thuyết H_8 : Nhân tố hướng dẫn viên du lịch có tác động tích cực tới phát triển du lịch bền vững tại thành phố Quy Nhơn.

Giả thuyết H_9 : Nhân tố tác động của Covid-19 đến nhận thức của người dân trong phát triển du lịch có tác động tiêu cực đến phát triển du lịch bền vững tại thành phố Quy Nhơn.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thống kê mô tả

Kết quả phân tích nhân khẩu học cho thấy độ tuổi từ 20 - 30 chiếm tỷ lệ cao nhất 66.1%. Đây là độ tuổi am hiểu về du lịch bền vững được tác giả chọn lọc trong quá trình khảo sát (Bảng 2).

Bảng 2. Thống kê mẫu theo đặc điểm nhân khẩu học.

Nhân khẩu học		Số lượng	Phần trăm (%)
Độ tuổi	18 – 20	29	12.6
	20 – 30	152	66.1
	> 30	49	21.3
	Tổng	230	100
Giới tính	Nam	98	42.6
	Nữ	132	57.4
	Tổng	230	100
Thu nhập (triệu đồng)	< 5	63	27.4
	5 – 14	72	31.3
	14 – 20	39	17
	> 20	56	24.3
	Tổng	230	100

(Nguồn: Nhóm tác giả xử lý số liệu bằng SPSS)

3.2. Kiểm định thang đo

Kết quả Cronbach's Alpha của các thang đo phát triển du lịch bền vững thành phố Quy Nhơn đạt 0.985 cho 35 biến quan sát, các hệ số tương quan biến - tổng đều lớn hơn 0.3. Do đó tất cả các thang đo đều đạt độ tin cậy, nên được giữ lại để tiếp tục phân tích EFA.

Ban đầu có 9 nhân tố độc lập nhưng sau đó nhân tố KT và một số biến trong 1 số nhân tố còn lại được loại bỏ ra khỏi mô hình nghiên cứu vì các biến này chưa đảm bảo các điều kiện thích hợp để thực hiện các phân tích tiếp theo cho dữ liệu được khảo sát tại thành phố Quy Nhơn.

Sau đó nhóm nghiên cứu đã tiến hành phân tích EFA lần 2. Kết quả phân tích EFA cho kết quả $KMO = 0.948$ thỏa mãn $0.5 < KMO < 1$, giá trị $Sig. = 0.000 < 0.05$, phương sai trích được 85.855%. Có 8 nhóm nhân tố phân tích được và được đặt tên dựa vào tập hợp của các biến quan sát (Bảng 3).

Bảng 3. Kết quả ma trận xoay nhân tố.

	Nhân tố							
	TN	NL	HT	TĐ	HD	CĐ	QL	CL
TN1	.752							
TN4	.746							
TN3	.737							
TN5	.697							
TN2	.619							
NL4		.722						
NL2		.694						
NL1		.656						
NL3		.629						
NL5		.599						
HT4			.778					
HT2			.694					
HT3			.676					
HT1			.542					
TĐ3				.790				
TĐ2				.771				
TĐ1				.737				
HD2					.691			
HD3					.691			
HD1					.509			
CĐ3						.697		
CĐ1						.648		
CĐ2						.627		
QL2							.576	
QL3							.548	
QL1							.524	
QL4							.516	
CL1								.558
CL2								.557
CL3								.548

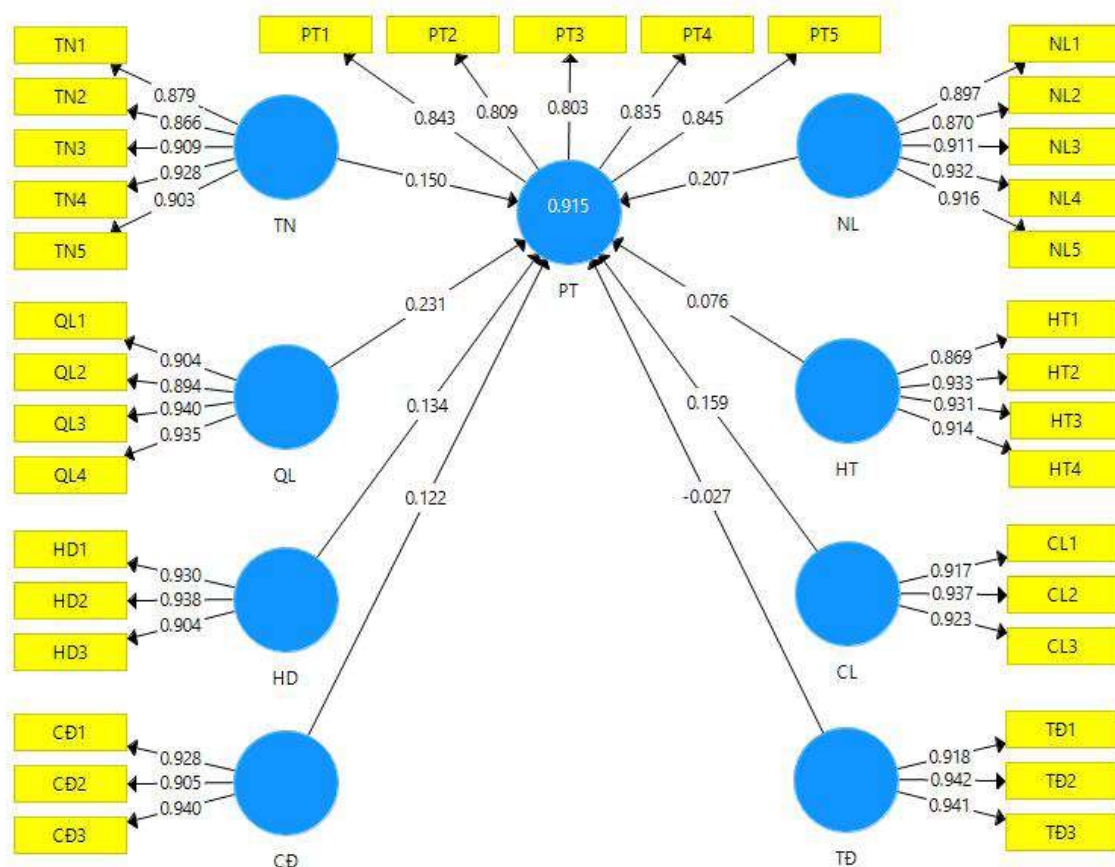
(Nguồn: Nhóm tác giả xử lý số liệu bằng SPSS)

3.4. Phân tích mô hình cấu trúc SEM

3.4.1. Kiểm định mô hình đo lường

Các chỉ số chính để đánh giá độ tin cậy của dữ liệu khảo sát đối với mô hình là: Cronbach's alpha; độ tin cậy tổng hợp (Composite Reliability);

phương sai trích (Average Variance Extracted). Nếu độ tin cậy Cronbach's alpha và Composite Reliability lớn hơn 0.7 và Average Variance Extracted (AVE) lớn hơn 0.5 thì dữ liệu khảo sát đảm bảo độ tin cậy.



Hình 2. Biểu đồ thể hiện kết quả mô hình cấu trúc tuyến tính PLS-SEM.

Bảng 4. Các hệ số xác định độ tin cậy của dữ liệu phân tích.

	Cronbach's Alpha	rho_A	Composite Reliability	Average Variance Extracted (AVE)	F square
CL	0.917	0.919	0.947	0.857	0.058
CD	0.915	0.917	0.946	0.855	0.046
HD	0.914	0.917	0.946	0.854	0.049
HT	0.933	0.933	0.952	0.832	0.017
NL	0.945	0.947	0.958	0.820	0.097
QL	0.938	0.939	0.956	0.843	0.113
TN	0.939	0.940	0.954	0.805	0.071
TĐ	0.926	0.926	0.953	0.872	0.003

R-Square = 0.915; R-Square Adjusted = 0.912

(Nguồn: Nhóm tác giả xử lý số liệu qua bằng Smart PLS)

Kết quả trong Bảng 4 cho thấy cả hệ số Cronbach's alpha và Composite Reliability đều lớn hơn 0.7 và chỉ số phương sai trung bình trích (AVE) lớn hơn 0.5, do đó, dữ liệu được phân tích ở đây đảm bảo độ tin cậy cần thiết.

Chỉ số Variance Inflation Factor (VIF) là chỉ số cho biết khả năng xảy ra đa cộng tuyến của mô hình. Nếu VIF nhỏ hơn 10 thì chấp nhận được. Bảng 5 cho thấy mô hình không có đa cộng tuyến vì các giá trị VIF cho tất cả các biến trong mô hình đều nhỏ hơn 10.

Hệ số xác định của mô hình bằng 0.912, có nghĩa là các nhân tố độc lập đã giải thích được 91.2% sự biến thiên (phương sai) của nhân tố phụ thuộc, còn lại 8.8% là từ sai số hệ thống và từ các yếu tố khác nằm ngoài mô hình.

Giá trị của f^2 với các mức lớn hơn 0,02 và nhỏ hơn 0.02 tương ứng với tác động của các biến ngoại sinh và có ít hoặc không có ảnh hưởng. Kết quả Bảng 4 cho thấy $f^2 > 0.02$, do đó,

các nhân tố độc lập của mô hình ảnh hưởng đến nhân tố phát triển du lịch bền vững. Ngoài ra, các nhân tố HT và TD có f^2 nhỏ hơn 0.02 nên hai nhân tố này ít hoặc không có tác động đến phát triển du lịch bền vững.

3.4.2. Kiểm định bootstrapping

Kết quả ở Bảng 5 cho thấy các P-Values của các mối tác động CL, CĐ, HD, NL, QL và TN đều nhỏ hơn 0.1, do vậy các mối tác động này đều có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 95%. Còn các mối tác động HT và TD có P-value lớn hơn 0.1, do vậy 2 biến này không có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 95%. Có 6 nhân tố tác động tích cực lên nhân tố PT là CL, CĐ, HD, NL, QL và TN vì hệ số chuẩn hóa của 6 nhân tố này lần lượt là 0.159, 0.122, 0.134, 0.207, 0.231, 0.150 đều dương và đều có ý nghĩa thống kê. Như vậy, mức độ tác động của 6 nhân tố này lên nhân tố PT theo thứ tự từ mạnh đến yếu là QL, NL, CL, TN, HD và CĐ.

Bảng 5. Các kết quả xác định mức độ ý nghĩa và tác động tổng hợp của các nhân tố (sử dụng Bootstrapping trên SmartPLS).

	Original Sample (O)	Sample Mean (M)	Standard Deviation (STDEV)	T Statistics (O/STDEV)	P Values	VIF
CL -> PT	0.159	0.152	0.073	2.182	0.030	5.048
CĐ -> PT	0.122	0.118	0.060	2.013	0.045	3.729
HD -> PT	0.134	0.129	0.059	2.280	0.023	4.334
HT -> PT	0.076	0.068	0.050	1.509	0.132	3.883
NL -> PT	0.207	0.221	0.101	2.044	0.042	5.159
QL -> PT	0.231	0.224	0.067	3.431	0.001	3.618
TN -> PT	0.150	0.145	0.067	2.226	0.026	5.565
TD -> PT	-0.027	-0.005	0.060	0.446	0.656	3.717

(Nguồn: Nhóm tác giả xử lý số liệu qua bằng Smart PLS)

3.5. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu thực hiện cho thấy nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đến phát triển du lịch bền vững tại thành phố Quy Nhơn là Tổ chức quản lý ngành du lịch. Một tổ chức quản lý du lịch một cách chuyên nghiệp và hiệu quả sẽ tạo nên một

chuỗi liên kết thuận tiện cho du khách, làm cho du khách cảm thấy hài lòng, và do đó giúp tăng số lượt du khách quay trở lại một cách ổn định trong thời gian tiếp theo.

Nhân tố ảnh hưởng thứ hai là sự phát triển của nguồn nhân lực. Do đó, cần tăng cường tổ

chức các khóa đào tạo chuyên nghiệp từ cơ bản đến nâng cao về công tác quản lý, truyền thông, hoạch định chính sách và khả năng ngoại ngữ; có những giải pháp và chính sách đột phá trong việc đào tạo và tuyển dụng cán bộ quản lý Nhà nước về du lịch.

Nhân tố ảnh hưởng thứ ba là chất lượng dịch vụ du lịch. Du khách ngày càng quan tâm nhiều hơn đến chất lượng các dịch vụ du lịch, đặc biệt là nhóm du khách có khả năng chi trả cao. Vì vậy, cần nâng cao tính chuyên nghiệp, hiện đại và chú trọng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Nhân tố ảnh hưởng thứ tư là tài nguyên du lịch. Tài nguyên du lịch càng đa dạng, phong phú, độc đáo, mới lạ thì càng thu hút được nhiều du khách đến tham quan. Quy Nhơn được thiên nhiên ban tặng cho vị trí địa lý và cảnh quan hết sức thuận lợi để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch biển đảo. Do đó, các tổ chức và cơ quan quản lý du lịch tiếp tục khai thác những tài nguyên du lịch tiềm năng nhưng vẫn đảm bảo được vệ sinh môi trường, không làm mất đi vẻ đẹp tự nhiên và hoang sơ của các tài nguyên thiên nhiên này.

Nhân tố ảnh hưởng thứ năm là hướng dẫn viên du lịch. Theo số liệu thống kê, số lượt du khách đến với Quy Nhơn ngày càng tăng, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 tạm lắng xuống. Do đó, nhu cầu về hướng dẫn viên du lịch tăng lên đáng kể cả về số lượng và chất lượng. Hướng dẫn viên du lịch là đại sứ cho một điểm đến, họ không những hướng dẫn du khách trong việc đi lại, ăn, ở mà còn giúp du khách có những trải nghiệm đáng nhớ về văn hóa và con người của địa phương. Một hướng dẫn viên thân thiện, nhiệt tình, chu đáo và có trình độ hướng dẫn cao sẽ giúp du khách có hiểu biết bao quát, sâu sắc về văn hóa, lịch sử của điểm đến. Từ đó, du khách sẽ có ấn tượng tốt đẹp và ý định thăm quan trở lại trong những lần tiếp theo. Hơn nữa, họ cũng giúp giới thiệu và quảng bá hình ảnh của điểm đến với bạn bè và người thân, làm cho du lịch của nơi này tiếp tục tăng trưởng và phát triển một cách bền vững.

Nhân tố ảnh hưởng thứ sáu là sự tham gia của cộng đồng. Một cộng đồng có mối quan hệ mật thiết với chính quyền địa phương, cùng đảm nhận một số nhiệm vụ nhất định sẽ cung cấp tốt các dịch vụ đô thị, qua đó tăng lợi ích cho cộng đồng dân cư, giảm các chi phí, tăng hiệu quả kinh tế cho Nhà nước và cuối cùng hình thành nên một cộng đồng thân thiện, thuận lợi cho việc thu hút du khách.

4. KẾT LUẬN

Dựa trên các nghiên cứu trong và ngoài nước, nhóm tác giả đã tổng hợp, kế thừa và phát triển mô hình nghiên cứu phù hợp với đặc thù phát triển du lịch bền vững tại thành phố Quy Nhơn. Sau khi thực hiện kiểm định thang đo và phân tích nhân tố khám phá với phần mềm SPSS, thay vì sử dụng phương pháp tính giá trị trung bình cho các nhân tố và hồi quy đa biến, chúng tôi đã sử dụng kỹ thuật phân tích và ước lượng bằng phương pháp PLS-SEM với phần mềm SmartPLS để tăng độ chính xác cho các kết quả nghiên cứu. Từ đó, đã xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững tại thành phố Quy Nhơn theo thứ tự mức độ tác động như sau: Tổ chức quản lý du lịch có tác động mạnh nhất, tiếp đến là Phát triển nguồn nhân lực, Chất lượng dịch vụ du lịch, Tài nguyên du lịch, Hướng dẫn viên du lịch, và cuối cùng là Sự tham gia của cộng đồng.

Qua việc thảo luận về các kết quả nghiên cứu đạt được, chúng tôi rất hy vọng rằng các cơ quan quản lý và tổ chức kinh doanh du lịch tiếp tục hoàn thiện, đầu tư và nâng cao chất lượng phục vụ khách du lịch trên mọi phương diện nhằm đưa hoạt động du lịch của thành phố Quy Nhơn nói riêng và tỉnh Bình Định nói chung phát triển ở một tầm cao mới một cách ổn định và bền vững trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. IUCN. World conservation strategy, 1980, <<https://portals.iucn.org>>, truy cập ngày 15/2/2022.

2. WCED. Report of the world commission on environment and development: Our common future, 1987, <<http://www.un-documents.net>>, truy cập ngày 15/2/2022.
3. Tổ chức ngân hàng phát triển châu Á (ADB). Phát triển bền vững, <https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1t_tri%E1%BB%83n_b%E1%BB%81n_v%E1%BB%AFng>, truy cập ngày 15/2/2022.
4. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Luật Du lịch, Luật số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017, Hà Nội, 2017.
5. Đ. T. T. Duyên. *Phát triển du lịch ở các tỉnh phía nam đồng bằng sông Hồng theo hướng bền vững*, luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2019.
6. M. A. Vũ. *Phát triển bền vững du lịch tại Thanh Hóa*, luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, 2021.
7. L. T. Tùng. *Phát triển bền vững du lịch tỉnh Bắc Ninh*, luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên, 2021.
8. N. C. De, N. T. Loi, D. N. My and N. N. Tien. Key factors affecting sustainable tourism in the region of South Central Coast of Vietnam, *The Journal of Asian Finance, Economics, and Business*, **2020**, 7(12), 977-993.
9. S. Vinerean, A. Opreana, C. Tileagă and R. E. Popsa. The impact of COVID-19 pandemic on residents' support for sustainable tourism development, *Sustainability*, **2021**, 13(22), 12541.
10. J. Nunnally. *Psychometric Theory*, New York, McGraw-Hill, 1978.
11. J. F. Hair, W. C. Black, B. J. Babin & R. E. Anderson. *Multivariate data analysis Cengage learning*, Hampshire, United Kingdom, 2019.